TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2024/DS-ST
Ngày: 06 – 9 - 2024
"V/v Tranh chấp vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Lam và ông Lương Công Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 148/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-DS ngày 01/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐST-DS ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị M, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Lê Ngọc T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trương Thị Phi D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Vào năm 2019, Lê Ngọc T và con gái bà là Trương Thị Phi D kết hôn. Đến cuối năm 2019, hai vợ chồng T, D có mượn của bà số tiền 120.000.000 đồng để làm ăn, sau đó vài tháng trả được 5.000.000 đồng. Đến năm 2021, vợ chồng T, D ly hôn, thoả thuận mỗi người trả cho bà một nửa số tiền đã mượn. Ông Lê Ngọc T có viết giấy thoả thuận nợ và hẹn trả hết vào ngày 31/12/2023. Thời điểm viết giấy nhận nợ là ngày vợ chồng T, D ly hôn khoảng tháng 11/2021. Giấy nhận nợ không ghi thời gian mượn tiền nhưng có ghi Lê Ngọc T và Trương Thị Phi D còn nợ bà số tiền 115.000.000

đồng, hẹn ngày 31/12/2023 sẽ trả nợ hết. Con gái bà M là Trương Thị Phi D đã trả dần cho bà M được 40.000.000 đồng. Phần còn lại là 55.000.000 đồng, Lê Ngọc T chưa trả được cho bà nên bà M khởi kiện yêu cầu Lê Ngọc T phải trả nợ, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn Lê Ngọc T vắng mặt, không có trình bày:

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Phi D trình bày: Bà D kết hôn với ông Lê Ngọc T vào năm 2019. Sau đó, vợ chồng có mượn của bà Nguyễn Thị M số tiền 115.000.000đ để làm ăn. Đến năm 2021, vợ chồng ly hôn, thoả thuận bà D sẽ trả cho bà M số tiền 55.000.000 đồng, ông Lê Ngọc T sẽ trả cho bà M số tiền 55.000.000đ. Về phần bà D đã trả đều cho bà M, đến nay trả được là 40.000.000đ. Còn phần ông T thì bà D không liên quan. Do đó yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về việc tham gia tố tụng tại Toà án: bà D làm công nhân may nên khó khăn trong việc xin nghỉ để tham gia phiên họp, phiên toà. Do đó, bà D yêu cầu toà án giải quyết vắng mặt bà. Những gì bà trình bày, cam đoan là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã trình bày.

*Tại biên bản xác minh tại Công an phường I, thành phố T xác định: ông Lê Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ khu phố N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hiện ông T không có mặt tại địa phương.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn Lê Ngọc T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn Lê Ngọc T phải trả số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Lê Ngọc T vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 115, 280, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015, các Điều 37, 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Lê Ngọc T có nghĩa vụ phải trả số nợ gốc 55.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Ngọc T trả nợ. Xét đây là tranh chấp vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Lê Ngọc T có địa chỉ tại Khu phố N, phường I, thành

phố T, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn Lê Ngọc T vắng mặt không rõ lý do tại phiên toà mở lần 2. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lê Ngọc T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn trình bày cuối năm 2019 cho hai vợ chồng bị đơn Lê Ngọc T và Trương Thị Phi D (con ruột của nguyên đơn) mượn số tiền 115.000.000đ để làm ăn. Nay, bị đơn T đã ly hôn với D. Bị đơn T và D có viết giấy thoả thuân nợ cho bà hứa trả dần 115.000.000đ cho đến cuối năm ngày 31/12/2023. Chị Trương Thị Phi D đã trả nợ cho bà được 40.000.000đ nên bà không yêu cầu trả nợ, bị đơn Lê Ngọc T không trả nợ cho bà nên bà khởi kiện, yêu cầu bị đơn Lê Ngọc T trả cho bà số tiền 55.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét thoả thuận nợ bản gốc giữa nguyên đơn M và bị đơn Lê Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị Phi D không ghi thời gian mượn, số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), trả dần đến ngày 31/12/2023, không thoả thuận lãi suất cũng như thời gian trả lãi. Nguyên đơn chỉ xác định cho mượn tiền, nay đòi lại tiền, không tính lãi. Đối với số tiền 115.000.000đ không phân định rõ phần nghĩa vụ của bị đơn Tô hay Trương Thị Phi D. Xét vợ chồng Lê Ngọc T và Trương Thị Phi D đã ly hôn nên nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba được thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 59 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn Tô được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến toà trình bày ý kiến nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Nghĩa vụ trả nợ của bị đơn Lê Ngọc T là ½ số tiền 115.000.000 đồng, tương ứng số tiền là 57.500.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Nguyễn Thị M giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn Lê Ngọc T trả nợ gốc là 55.000.000 đồng, việc yêu cầu này là tự nguyện, xét có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Đến thời hạn 31/12/2023, bị đơn T chưa trả cho nguyên đơn Msố tiền 55.000.000đ nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn hai bên thoả thuận. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn T phải trả số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng.

[5] Lãi của khoản tiền 55.000.000 đồng: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xét.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[7] Về án phí: Bị đơn Lê Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 115, 280, 357, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 37, 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị M; buộc bị đơn Lê Ngọc T phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc 55.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Lê Ngọc T phải chịu 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị M 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0002665 ngày 27/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên